

Câu I. (5.0 điểm)

- ✓ 1. Phân tích những lợi thế và khó khăn của Việt Nam khi trở thành thành viên của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN).
- ✓ 2. Trình bày mục tiêu và cơ chế hợp tác của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN).

Câu II. (5.0 điểm)

- ✓ 1. Nêu ảnh hưởng của biển Đông đến khí hậu, địa hình và các hệ sinh thái vùng ven biển nước ta.
2. Tại sao kinh tế Biển có vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế nước ta?

Câu III. (5.0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam và kiến thức đã học, em hãy:

- ✓ 1. Chứng minh rằng nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú và đa dạng. Giải thích vì sao nước ta lại giàu có về tài nguyên khoáng sản?
- ✓ 2. Hãy nêu nguyên nhân làm cạn kiệt nhanh chóng một số tài nguyên khoáng sản nước ta. Kể tên một số loại khoáng sản chính ở Hà Tĩnh, chúng là cơ sở để phát triển những ngành nào?

Câu IV. (5.0 điểm)

Cho bảng số liệu về sản lượng lúa, cà phê của Đông Nam Á và thế giới năm 2017:

Lĩnh thổ	Lúa (triệu tấn)	Cà phê (nghìn tấn)
Đông Nam Á	209,6 219,8 28,5%	2486,1 20,0 27%
Thế giới	669,7 769,7 91,5%	9212,2 75%

✓ 1. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu sản lượng lúa và cà phê của Đông Nam Á so với thế giới năm 2017.

✓ 2. Từ biểu đồ đã vẽ hãy rút ra nhận xét và giải thích cần thiết.

-----Hết-----

* Ghi chú: Học sinh được sử dụng Atlas Địa lý để làm bài.

Số báo danh:

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẨM XUYÊN
HƯỚNG DẪN CHẤM - BIỂU ĐIỂM
THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 8 - MÔN: ĐỊA LÍ
Năm học: 2020 – 2021

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
I	I	Thời cơ và thách thức	3.5
		<p>* Thời cơ: (mỗi ý cho 0,5 điểm tổng 2,5 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việt Nam gia nhập tổ chức này 28/7/1995. - Điều kiện thuận lợi để nước ta gia nhập và hợp tác với ASEAN: <ul style="list-style-type: none"> + Vị trí gần gũi, đường giao thông về cơ bản là thuận lợi. + Truyền thống văn hoá, sản xuất có nhiều nét tương đồng. + Lịch sử đấu tranh, xây dựng đất nước có những điểm giống nhau, con người dễ hợp tác với nhau. - Tham gia ASEAN Việt Nam có nhiều điều kiện để: <ul style="list-style-type: none"> + Nền kinh tế được hội nhập với nền kinh tế trong khu vực. + Tạo điều kiện để nền kinh tế Việt Nam rút ngắn khoảng cách chênh lệch phát triển với các nước trong khu vực. + Có điều kiện để tiếp thu thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến. + Có điều kiện để tiếp thu, học hỏi trình độ quản lý của các nước trong khu vực. + Có điều kiện thuận lợi để giao lưu về văn hóa, giáo dục, khoa học-kỹ thuật, thể thao.. với các nước trong khu vực. - Quan hệ mậu dịch: Tăng cường buôn bán với các nước trong khu vực, mở rộng thị trường xuất khẩu. <ul style="list-style-type: none"> + Tốc độ tăng trưởng trong buôn bán với các nước ASEAN đạt khá cao (dẫn chứng). + Ti trọng giá trị hàng hoá buôn bán với các nước trong Hiệp hội lớn (chiếm 1/3 tổng buôn bán quốc tế của Việt Nam). + Mặt hàng xuất khẩu chính của nước ta nông sản đặc biệt là gạo. + Mặt hàng nhập khẩu chính của nước ta là: Nguyên liệu sản xuất như xăng dầu, phân bón, thuốc trừ sâu, hàng điện tử... - Về hợp tác phát triển kinh tế: Dự án phát triển hành lang Đông-Tây tại khu vực sông Mê Kông tạo điều kiện khai thác tài nguyên và nhân công tại những vùng còn nhiều khó khăn của nước ta, giúp người dân phát triển kinh tế-xã hội, xoá đói giảm nghèo. 	<p>2.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p>
		<p>* Thách thức: (mỗi ý cho 0,25 điểm tổng 1,0 điểm)</p> <p><i>HS có thể phân tích được một số khó khăn, ví dụ như sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Do có sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế - xã hội nên năng suất lao động của nước ta thường thấp, chất lượng hàng hoá chưa cao, giá bán hàng cao... cho nên khó cạnh tranh với hàng các nước trong khu vực. Các nước trong khu vực có nhiều mặt hàng giống nhau càng dễ xảy ra cạnh tranh trong xuất khẩu. - Sự khác biệt trong thể chế chính trị dẫn đến cách giải quyết các mối quan hệ kinh tế, văn hoá, xã hội khác nhau nhiều khi gây khó khăn không nhỏ cho phát triển kinh tế xã hội. 	1.0

		<ul style="list-style-type: none"> - Sự bất đồng về ngôn ngữ cũng gây khó khăn lớn cho nước ta khi mở rộng giao lưu với các nước trong khu vực... - Cạnh tranh nguồn nhân lực và các mặt hàng (sẽ rất quyết liệt, bảo vệ và sử dụng nguồn nhân lực tài năng phục vụ đất nước sẽ nhiều khó khăn hơn. Nhân lực Việt Nam có điểm chung là yếu về ngoại ngữ, tác phong công nghiệp và tinh chuyên nghiệp....). 	
	2	Mục tiêu và cơ chế hợp tác của của Hiệp hội các nước Đông Nam Á	1.5
		<ul style="list-style-type: none"> * Mục tiêu chính: (1.0 điểm mỗi ý cho 0,25 điểm) - Thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục và những tiến bộ xã hội. - Xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực hòa bình, ổn định, có nền kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển. - Giải quyết những khác biệt trong nội bộ liên quan đến mối quan hệ Giữa ASEAN với các nước... - Mục tiêu chung: Đoàn kết và hợp tác vì một ASEAN hòa bình, ổn định và phát triển đồng đều * Cơ chế hợp tác ASEAN: (0,5 điểm mỗi ý cho 0,25 điểm) - Thông qua các diễn đàn, kí các hiệp ước, dự án chương trình phát triển; tổ chức các hội nghị... - Xây dựng khu vực thương mại tự do ASEAN; thông qua các hoạt động văn hóa, thể thao trong khu vực.... 	<p>1.0</p> <p>0.5</p>
II	1	<p>1. Ảnh hưởng của biển Đông đến khí hậu, địa hình và các hệ sinh thái:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Khi hậu: - Tăng độ ẩm của các khối khí qua biển, mang lại cho nước ta lượng mưa và độ ẩm lớn, làm giảm tính khắc nghiệt của thời tiết lạnh khô trong mùa đông và dịu bớt thời tiết nóng bức trong mùa hạ. - Nhờ có biển Đông, khí hậu nước ta mang đặc tính của khí hậu hải dương nên điều hòa hơn. - Bên cạnh đó Biển cũng gây nhiều khó khăn như bão, xâm nhập mặn,..... * Địa hình: - Các dạng địa hình ven biển rất đa dạng: vịnh cửa sông, các bờ biển mài mòn, các tam giác châu thổ có bãi triều rộng, các bãi cát phẳng, các đầm phá, các vùng vịnh nước sâu, các đảo ven bờ và những rạn san hô... * Các hệ sinh thái vùng ven biển: Rất đa dạng và giàu có: - Hệ sinh thái rừng ngập mặn có diện tích 450 nghìn ha, cho năng suất sinh học cao, đặc biệt là sinh vật nước lợ. - Các hệ sinh thái trên đất phèn và hệ sinh thái rừng trên các đảo cũng rất đa dạng và phong phú. 	<p>3.5</p> <p>1.5</p> <p>1.0</p> <p>1.0</p>

	<p>2 * <i>Kinh tế biển có vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế nước ta vì:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển (tài nguyên biển). - Các nguồn tài nguyên trên bờ ngày càng cạn kiệt, vì vậy các nguồn lợi từ biển có vai trò quan trọng. - Xu thế hội nhập của đất nước và thế giới: tăng cường mở cửa, hướng ra biển để phát triển các ngành kinh tế biển... 	<p>1.5 0.5 0.5 0.5</p>
<p>III</p>	<p>1 Chứng minh rằng nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú và đa dạng. Giải thích vì sao nước ta lại giàu có về tài nguyên khoáng sản ?</p>	<p>3.0</p>
	<p>a. Chứng minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nước ta có khoảng 5.000 điểm quặng và tụ khoáng sản của gần 60 loại khoáng sản khác nhau. - Khoáng sản nước ta khá đa dạng, bao gồm nhiều loại như than, sắt, dầu mỏ, khí đốt, măng gan, crôm, bô xít... - Một số khoáng sản có trữ lượng lớn như than, dầu khí, apatit, đá vôi, sắt, đồng, thiếc, crôm, bô xít... <p>b. Nguyên nhân nước ta giàu tài nguyên khoáng sản là:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vị trí nước ta nằm ở nơi giao nhau của 2 vành đai sinh khoáng lớn của thế giới (Địa Trung Hải, Thái Bình Dương). + Nước ta có lịch sử địa chất kiến tạo rất lâu dài, phức tạp; mỗi chu kỳ kiến tạo sản sinh một hệ khoáng sản đặc trưng. + Sự phát hiện thăm dò tìm kiếm của ngành địa chất ngày càng có hiện quả. 	<p>1.5 1.5</p>
	<p>2. Hãy nêu một số nguyên nhân làm cạn kiệt nhanh chóng một số tài nguyên khoáng sản nước ta. Kể tên các loại khoáng sản ở Hà Tĩnh, chúng là cơ sở để phát triển những ngành nào ?</p>	<p>2.0</p>
	<p>a. Nguyên nhân làm cạn kiệt nhanh chóng một số tài nguyên khoáng sản nước ta: (mỗi ý cho 0,25)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức quản lí còn lỏng lẻo, vẫn còn tình trạng khai thác bừa bãi, tự do (vàng, sắt, đá quý, ...). - Kỹ thuật khai thác lạc hậu, hàm lượng quặng còn nhiều trong các chất thải bỏ. - Thăm dò đánh giá thiếu chính xác về trữ lượng, hàm lượng, phân bố làm cho việc khai thác gặp khó khăn và đầu tư lãng phí... - Việc khai thác, sử dụng một số khoáng sản còn lãng phí. <p>b. Kể tên các loại khoáng sản ở Hà Tĩnh, chúng là cơ sở để phát triển những ngành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoáng sản ở Hà Tĩnh nằm rải rác ở hầu khắp các huyện trong tỉnh từ đồng bằng, ven biển đến trung du, miền núi. - Khoáng sản năng lượng: than đá, than nâu (Hương Khê)...-> cơ sở để phát triển công nghiệp năng lượng, hóa chất. - Khoáng sản kim loại: chủ yếu là quặng sắt (Thạch Khê, Kỳ Liên, ..); thiếc (Hương Sơn), Titan (ở vùng biển ven các huyện Nghi Xuân, Lộc Hà, Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh)..)... => cơ sở để phát triển công nghiệp luyện kim. 	<p>1.0 1.0</p>

		- Nước khoáng, nóng (Sơn Kim- Hương Sơn) => phát triển du lịch, khai thác nước khoáng... - Khoáng sản vật liệu xây dựng: cát, sét, sỏi xây dựng, thạch anh ...-> cơ sở để phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng...										
IV		Vẽ biểu đồ, nhận xét, giải thích:	5.0									
	1	- Học sinh xử lý được số liệu như sau: <i>Cơ cấu sản lượng lúa và cà phê của ĐNA và thế giới năm 2017</i> (đơn vị %)	1.0									
		<table border="1"> <thead> <tr> <th>Lãnh thổ</th> <th>Lúa</th> <th>Cà phê</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Đông Nam Á</td> <td>28,6</td> <td>27,0</td> </tr> <tr> <td>Thế giới</td> <td>100</td> <td>100</td> </tr> </tbody> </table>	Lãnh thổ	Lúa	Cà phê	Đông Nam Á	28,6	27,0	Thế giới	100	100	
Lãnh thổ	Lúa	Cà phê										
Đông Nam Á	28,6	27,0										
Thế giới	100	100										
		1. Vẽ biểu đồ: Yêu cầu: - Biểu đồ tròn, các dạng biểu đồ khác không tính điểm. - Vẽ chính xác, thẩm mỹ, đầy đủ (có tên biểu đồ, chú thích, ghi số liệu).	2.5									
	2	Nhận xét và giải thích:	1.5									
		* Nhận xét: - Sản lượng lúa và cà phê của Đông Nam Á chiếm tỉ trọng cao trên thế giới (dẫn chứng: Chiếm hơn 1/4 sản lượng lúa và hơn 1/4 sản lượng cà phê của thế giới).	0.5									
		* Giải thích: Do khu vực này có điều kiện thuận lợi để sản xuất lúa và cà phê: - Nhiều đồng bằng rộng lớn, đất phù sa màu mỡ => thích hợp với cây lúa nước; nhiều cao nguyên với đất đỏ badan, feralit => thích hợp trồng cà phê; nguồn nước tưới dồi dào (sông ngòi, ao hồ, kênh rạch..); khí hậu nhiệt đới gió mùa nóng quanh năm.	0.5									
		- Người dân có kinh nghiệm sản xuất lúa, cà phê; thị trường tiêu thụ lớn...	0.5									

Lưu ý: Trong quá trình chấm cần căn cứ vào thực tế bài làm để cho điểm, khuyến khích những bài viết sâu và lập luận chặt chẽ.

.....Hết.....